TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Dình

2. Ông Đỗ Hữu Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Duy Kh, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Số 194/2, ấp B xã B, huyện C, tỉnh L (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Tăng Thị Bé L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 194/2, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh L (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Bùi Duy Kh trình bày:

Ông và bà Tăng Thị Bé L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh L vào ngày 28/4/2017. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với bà Tăng Thị Bé L.

Về nuôi con chung: Ông và bà L có với nhau một người con chung tên là Bùi Thị Phương Th, sinh ngày 02/8/2017, hiện nay con chung đang sống cùng với cha mẹ. Khi ly hôn, ông yêu cầu giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc

nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà L không đồng ý nuôi con chung thì ông sẽ nuôi con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ông cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Bà Tăng Thị Bé L là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của ông Kh về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng là đúng nhưng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng phải ly hôn, bà mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm sóc con chung nên bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Kh.

Về nuôi con chung: Bà và ông Kh có với nhau một người con chung như ông Kh trình bày. Trường hợp phải ly hôn, bà đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng, cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết không có nợ chung.

Tại phiên tòa, ông Khánh và bà L đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Duy Kh có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Tăng Thị Bé L, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Tăng Thị Bé L cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Duy Kh và bà Tăng Thị Bé L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh L theo giấy đăng ký kết hôn số 15/2017 ngày 28/4/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Kh và bà L là hôn nhân hợp pháp.

Ông Kh yêu cầu ly hôn vì quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên ông đã không còn tình cảm với bà L, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân với nhau khoảng vài tháng nay nên ông cương quyết muốn ly hôn.

Bà L không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng phải ly hôn, đôi khi có cãi vã nhau về việc ông Kh có người phụ nữ khác bên ngoài, hiện nay bà và ông Kh còn chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng của bà vẫn bình thường nên bà mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm sóc con chung nhưng bà không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Kh và bà L không có sự tự nguyện, ông Kh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Kh yêu cầu ly hôn với bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Khánh.

[3] Về nuôi con chung: Ông Kh và bà L có với nhau một người con chung tên là Bùi Thị Phương Th sinh ngày 02/8/2017.

Xét thấy, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung ông Kh cũng đồng ý. Do đó, cần giao con chung cho bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà L yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng theo quy định của pháp luật. Ông Kh đồng ý mức cấp dưỡng như yêu cầu của bà L.

Xét thấy, ông Kh có công việc, có thu nhập ổn định hàng tháng, thu nhập trung bình mỗi tháng là 10.000.000 đồng và nhu cầu thiết yếu của con chung đảm bảo cho trẻ phát triển lành mạnh, hài hòa về thể chất và tinh thần, đảm bảo được điều kiện được nuôi dưỡng và học tập. Dó đó, cần buộc ông Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Bùi Duy Kh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Bùi Duy Kh và bà Tăng Thị Bé L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Bùi Thị Phương Th sinh ngày 02/8/2017 cho bà Tăng Thị Bé L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Bùi Duy Kh phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2023.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Bùi Duy Kh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006555 ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Ông Bùi Duy Kh còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy